

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH L**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 102/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 29-8-2022
V/v yêu cầu không công nhận
quan hệ vợ chồng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH L**

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Võ Thu Xuân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Út;
2. Bà Ngô Hồng Điệp;

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Huỳnh Thủy Tiên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện C.

Ngày 29 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 308/2022/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 6 năm 2022 về việc “Tranh chấp không công nhận quan hệ vợ chồng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 96/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Võ Minh T, sinh năm 1967;
Địa chỉ: Số 39A, Ấp 5, xã P, huyện C, tỉnh L, có mặt.
2. *Bị đơn:* Bà Lê Thị Thu H, sinh năm: 1969;
Địa chỉ: Ấp 5, xã P, huyện C, tỉnh L, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo lời trình bày của nguyên đơn ông Võ Minh T cùng các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nội dung vụ án như sau:

Ông T và bà H bắt đầu chung sống với nhau từ năm 1987, không có tổ chức đám cưới, ông T không nhớ được thời điểm chính xác là khoảng thời gian của năm 1987. Ông T và bà H không có tiền Hnh đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật vì ông T không hiểu biết quy định pháp luật. Đến thời điểm hiện tại, ông T và bà H vẫn chưa đăng ký kết hôn. Ông T và bà H sống hạnh phúc đến năm 2009 thì phát sinh mâu thuẫn. Ông T và bà H mâu thuẫn với nhau vấn đề tài chính trong gia đình. Ông T và bà H đã không còn sống chung từ năm 2009 cho đến nay. Nay, ông T yêu cầu Tòa án tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông và bà H.

Về nuôi con chung: Trong thời gian chung sống, ông T và bà H có 02 người con chung tên Võ Lê Quốc T1, sinh ngày 01/03/1988 và Võ Thị Mỹ L1, sinh ngày 14/9/1991. Các con chung đều đã trưởng thành nên ông T không có yêu cầu gì về con chung.

Về tài sản chung: Không có

Về nợ chung: Không có.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn bà Lê Thị Thu H. Bà H không có ý kiến phản hồi về yêu cầu của ông T và cũng không đến Tòa án giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Ông Võ Minh T khởi kiện yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng với bà Lê Thị Thu H có nơi cư trú tại Ấp 5, xã P, huyện C, tỉnh L nên Tòa án nhân dân huyện C thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại Khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Bị đơn bà Lê Thị Thu H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, căn cứ Khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà H.

[2] Về hôn nhân: Ông Võ Minh T và bà Lê Thị Thu H chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không tiến hành đăng ký hôn. Đến thời điểm hiện tại vẫn chưa tiến hành đăng ký kết hôn. Ông T và bà H sống hạnh phúc được tới năm 2009 thì phát sinh mâu thuẫn. Từ năm 2009, bà H đã bỏ đi không còn chung sống với ông T nữa.

Theo văn bản số 25/TB-UBND ngày 16/5/2022 của Ủy ban nhân dân xã L2 và văn bản số 396/XN-UBND ngày 17/5/2022 của Ủy ban nhân dân xã P thể hiện ông T và bà H không có tiến hành đăng ký kết hôn.

Tại Khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch. Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý”. Tại Khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 có quy định: “Nam, nữ đủ điều kiện để kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Quyền, nghĩa vụ đối với con, tài sản, nghĩa vụ và hợp đồng giữa các bên được giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật này”. Khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 có quy định: “Trong trường hợp không có đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại Khoản 1 Điều 14 của Luật này”. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông T, tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Võ Minh T và bà Lê Thị Thu H.

[3] Về nuôi con chung: Trong thời gian chung sống, ông T và bà H có 02 người con chung tên Võ Lê Quốc T1, sinh ngày 01/3/1988 và Võ Thị Mỹ L1, sinh ngày 14/9/1991. Các con chung đều đã trưởng thành nên ông T không có yêu cầu gì về con chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Ông T trình bày không có, bà H không có ý kiến gì về vấn đề này nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Ông T phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Khoản 2 Điều 227, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ Điều 9, Khoản 1 Điều 14, Điều 16, Khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Võ Minh T đối với bị đơn bà Lê Thị Thu H.

Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Võ Minh T và bà Lê Thị Thu H.

Về án phí: Ông Võ Minh T phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn, chuyển 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí ông T đã nộp theo biên lai thu số 0006319 ngày 14 tháng 6 năm 2022 của Chi cục Thi Hành án Dân sự huyện C sang án phí.

Bản án sơ thẩm, đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi Hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi Hành án Dân sự thì người được thi Hành án dân sự, người phải thi Hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi Hành án, quyền yêu cầu thi Hành án, tự nguyện thi Hành án hoặc bị cưỡng chế thi Hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 Luật Thi Hành án Dân sự; thời hiệu thi Hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi Hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh L;
- VKSND huyện C;
- THADS huyện C;
- UBND xã P;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, lưu án văn;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Nguyễn Võ Thu Xuân

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Võ Thu Xuân

